

Biểu 02-TH-CN

Ban hành theo ...

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Kỳ cuối năm học: 2025-2026

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Trường TH Tân An

Đơn vị nhận báo cáo:

Phường Phú An

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực
	A		B	C	1	2	3
I.	Trường						
1.1.	Tổng số trường			01	1	1	
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố		trường	02			
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo		trường	03			
1.2.	Số điểm trường		điểm	04			
II.	Lớp		lớp	05	28	28	
	Chia ra :	- Lớp 1	lớp	06	6	6	
		- Lớp 2	lớp	07	5	5	
		- Lớp 3	lớp	08	6	6	
		- Lớp 4	lớp	09	6	6	
		- Lớp 5	lớp	10	5	5	
	Trong đó: Lớp ghép		lớp	11			

III.	Học sinh	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số				Công lập				Tư thục			
				Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
						Tổng	Nữ			Tổng	Nữ			Tổng	Nữ
	A	B	C	1	3	4	5	6	8	9	10	11	13	14	15
3.1.	Biến động trong năm học		13												
	- Học sinh chuyển đi ngoài địa bàn tỉnh/tp	người	14	8	4			8	4						
	- Học sinh chuyển đến từ tỉnh/tp khác	người	15	11	4			11	4						
	- Học sinh bỏ học	người	16												
3.2.	Tổng quy mô	người	17	991	492	20	9	991	492	20	9				
3.3.	Quy mô chia theo lớp		18	991	492	20	9	991	492	20	9				
	- Học sinh lớp 1	người	19	229	108	3		229	108	3					
	- Học sinh lớp 2	người	20	192	93	5	2	192	93	5	2				
	- Học sinh lớp 3	người	21	195	99	6	4	195	99	6	4				
	- Học sinh lớp 4	người	22	191	100	3	1	191	100	3	1				
	- Học sinh lớp 5	người	23	184	92	3	2	184	92	3	2				
3.4.	Học sinh lưu ban	người	17	20	6			20	6						
	- Lớp 1	người	18	11	2			11	2						
	- Lớp 2	người	19	6	2			6	2						
	- Lớp 3	người	20	1	1			1	1						
	- Lớp 4	người	21	2	1			2	1						
	- Lớp 5	người	22												
3.5.	Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học		22	184	92	3	2	184	92	3	2				
	Chia theo tuổi:	người	23												
	- Dưới 11 tuổi	người	24												
	- 11 tuổi	người	25	175	89	3	2	175	89	3	2				
	- Trên 11 tuổi	người	26	9	3			9	3						
	Trong đó: học sinh khuyết tật	người	27	1	1			1	1						

IV.	Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số				Công lập							Tư thực			
				Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Phân loại			Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
						Tổng số	Nữ		Viên chức		Hợp đồng lao động		Tổng số	Nữ			Tổng số	Nữ
									HĐLV không xác định thời hạn	HĐLV xác định thời hạn								
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số	người	28	50	40			50	44	5	1	40						
4.1.	Cán bộ quản lý	người	29	3	3			3	3			3						
	- Hiệu trưởng	người	30	1	1			1	1			1						
	- Phó Hiệu trưởng	người	31	2	2			2	2			2						
4.2.	Giáo viên	người	32	41	33			41	37	4		33						
	Chia theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp																	
	- Tốt	người	33	25	20			25	23	2		20						
	- Khá	người	34	16	13			16	14	2		13						
	- Đạt	người	35															
	- Chưa đạt chuẩn	người	36															
4.3.	Giáo viên nghỉ hưu trong năm học	người	37															
4.4.	Giáo viên tuyển mới trong năm học	người	38	2	2			2		2		2						
4.5.	Nhân viên	người	39	6	4			6	4	1	1	4						
4.6.	Số giáo viên được tham gia các chương trình bồi dưỡng	người	40	41	33			41	37	4		33						
	- Chương trình bồi dưỡng thường xuyên (theo Thông tư 26/2012/TT-BGDĐT)	người	41	41	33			41	37	4		33						
	- Tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người	42															
	Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người	43															

Phủ An, ngày 03 tháng 6 năm 2026

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Thái Thoại Mỹ

Trương Thu Thùy